

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 01-4-2021

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Thị Diệu Tiên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Trần Thanh Việt.

- Bà Phan Hoàng Mai.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Ngọc Ký – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa:***  
Ông Dương Chí Thanh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 828/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Dương Lê T, sinh năm: 1991. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp X, xã M, huyện B, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị đơn:* bà Trần Thị D, sinh năm: 1992. (vắng mặt).

Địa chỉ: số 66, khóm T, phường H, thành phố X, tỉnh An Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Dương Lê T trình bày: ông và bà D chung sống với nhau vào năm 2014, hôn nhân do tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 02 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do thời điểm đó ông làm ăn khó khăn, kinh tế không ổn định, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bà D thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bỏ đi, ông cũng cố gắng hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không được, gia đình hai bên cũng có khuyên nhủ vợ chồng nhiều lần nhưng bà D không đồng ý, vợ chồng không còn chung sống với nhau

từ năm 2014 đến nay. Ông xác định không còn tình cảm với bà D, nay yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà D.

- Về con chung: không có.
- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: không có.

*Bị đơn bà Trần Thị D vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không thể ghi nhận ý kiến của bà D đối với yêu cầu khởi kiện của ông T*

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Dương Lê T có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 05/02/2021 và vẫn giữ yêu cầu khởi kiện; bị đơn bà Trần Thị D được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không tham dự phiên tòa.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu quan điểm:*

Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm. Về thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do nên chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự và phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định pháp luật.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Dương Lê T; Về con chung: không có; Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Ông Dương Lê T yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị D. Bà D có nơi cư trú tại khóm T, phường H, thành phố X, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn bà Trần Thị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: ông Dương Lê T và bà Trần Thị D xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông, bà được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Khi vợ chồng chung sống thì phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng, bà D bỏ đi, gia đình hai bên có động viên

và ông T đã cố gắng hàn gắn tình cảm với bà D nhiều lần nhưng không được. Hội đồng xét xử nhận thấy, hôn nhân phải trên cơ sở tự nguyện, ông T xác định không thể tiếp tục chung sống chung với bà D, hôn nhân không hạnh phúc và vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2014 đến nay, trong thời gian dài vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm, giữa vợ chồng không còn thực hiện các quyền và nghĩa vụ cũng như không cố gắng duy trì cuộc sống hôn nhân. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: không có

[5] Về tài sản chung, nợ chung: ghi nhận ý kiến của ông T trình bày không có nên không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: ông T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ vào Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình 2014.
- Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 235, 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Lê T.
- Về quan hệ hôn nhân: ông Dương Lê T được ly hôn với bà Trần Thị D. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 67, ngày 24/4/2014 do UBND xã Vĩnh Mỹ A, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu cấp không còn giá trị pháp lý.
- Về tài sản chung: không xem xét, giải quyết.
- Về nợ chung: ghi nhận ông Dương Lê T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì ông Dương Lê T và bà Trần Thị D vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.
- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Dương Lê T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0007878 ngày 07/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Ông T đã nộp xong.

Ông Dương Lê T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Trần Thị D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND thành phố Long Xuyên;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS thành phố Long Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- VP (5)/.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Thị Diệu Tiên**